

Số: **408** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **02** tháng **5** năm 2019

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/04/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Việt Thanh Tuyên Quang và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 21 tháng 4 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Việt Thanh Tuyên Quang

Mã số thuế: **5000232803**;

Địa chỉ: Tổ 11, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm VLXD và cơ lý đất;

Địa chỉ: Tổ 11, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

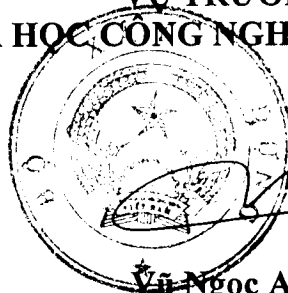
2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1070**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Quyết định số 604/QĐ-BXD ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Việt Thanh Tuyên Quang;
- SXD tỉnh Tuyên Quang;
- TT Thông tin (*website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1070

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng số: 408 /GCN-BXD, ngày 02 tháng 5 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XIMĂNG		
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
2	- Xác định giới hạn bên uốn và nén	TCVN 6016:11
3	- Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4	- Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:93
5	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
6	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
7	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
8	- Xác định thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93
9	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
10	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
11	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
12	- Xác định giới hạn bên khi nén	TCVN 3118:93
13	- Xác định giới hạn bên kéo khi uốn	TCVN 3119:93
THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
14	- Lấy mẫu	TCVN 7572-1:06
15	- Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
16	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
17	- Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
18	- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06
19	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
20	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
21	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
22	- Xác định cường độ và hệ số mềm hóa của đá gốc	TCVN 7572-10:06
23	- Xác định độ nén đập và hệ số mềm hóa của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
24	- Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
25	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
26	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
27	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
28	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
29	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12
30	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
31	- Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12
32	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng, độ ẩm)	TCVN 4202:12
33	- Đám nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN333-06
THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG		
34	- Thử kéo	TCVN 197-1:2014
35	- Thử uốn	TCVN 198:2008
36	- Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
37	- Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử va đập	TCVN 5402:2010

38	- Thử kéo môi hàn kim loại	TCVN 5403:1991
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
39	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đại	TCVN 8729:12
40	- Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12
41	- Xác định modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng	TCVN 8861:11
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
42	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121- 1:03
43	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
44	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
45	- Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa tươi đóng rắn	TCVN 3121-10:03
46	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03
47	- Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
48	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-1:2009
49	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
50	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
51	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
52	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
53	- Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99
54	- Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99
55	- Xác định độ hút nước	TCVN 6476:99
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG (KHÔNG NUNG)		
56	- Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
57	- Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016
58	- Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
59	- Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
60	- Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
61	- Kiểm tra độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
62	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
63	Xác định modul đàn hồi E theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cân Benkelman	TCVN 8867:11
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERAZO		
64	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:13
65	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:13
66	Xác định khả năng chịu tải	TCVN 7744:13
67	Xác định khả năng chống thấm nước	TCVN 7744:13

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.